

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu**

Tên dự toán: Mua xăng dầu nguồn địa phương bảo đảm thực hiện nhiệm vụ năm 2026

Tên gói thầu: Mua xăng dầu nguồn địa phương bảo đảm thực hiện nhiệm vụ năm 2026.

Nguồn vốn: *Ngân sách địa phương năm 2026.*

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026.

Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh.

Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung**

- Hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp; hàng hóa mới 100% và được sản xuất trong năm 2025.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu: Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng; trường hợp chưa có Giấy chứng nhận C/O thì phải cung cấp Văn bản thông báo xác định trước xuất xứ hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp bản scan từ bản gốc của Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

- Có Chứng thư (Giấy chứng nhận) giám định số lượng và chất lượng lô hàng.

- Thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Đóng gói hàng hoá: Hàng hoá nhiên liệu được chứa đựng trên bồn, bể chuyên dụng lắp trên phương tiện vận chuyên là ô tô xi téc; thể tích chứa tối thiểu của 01 xe là 15 m<sup>3</sup>.

- Một lần giao hàng (trong 01 ngày trong giờ hành chính) tối thiểu 30 m<sup>3</sup>, tối đa giao hết số lượng theo khối lượng mời thầu. Nhà thầu sở hữu xe ô tô xitec hoặc có hợp đồng thuê, mượn có khả năng giao hàng 02 lần là đủ số lượng phải cung cấp theo Hợp đồng.

##### **1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:**

**Bảng số 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Xăng Ron 95 Mức 3 (Theo Quy chuẩn QCVN 01:2022/BKHCN)**

ST T	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số octan (RON),min	90/92/95	92/95/97	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, °C -10% thể tích, °C, max -50% thể tích, °C, max -90% thể tích, °C, max -Điểm sôi cuối, °C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế ( đã rửa dung môi) mg/100mg, max	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381
6	Độ ổn định ô xy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C,kPa	43-75	43-75	43-75	43-75	TCVN 7023 ASTM D 5191 TCVN 11588 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 6703 ASTM D 3606

						TCVN 3166 ASTM D 5580
10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	2,7	2,7	2,7	2,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C <sub>≥</sub> 5) Riêng MBTE -Aceton	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815
14	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m <sup>3</sup>	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831
16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176

**Bảng số 2: Chỉ tiêu chất lượng Dầu Đielzel 0,05S mức 2 (Theo Quy chuẩn QCVN 01:2022/BKHCN)**

Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Phương pháp thử
1. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
2. Xêtan, không nhỏ hơn		
- Trị số xêtan	46	TCVN 7630 (ASTM D 613)
- Chỉ số xêtan	46	TCVN 3180 (ASTM D 4737)
3. Nhiệt độ cát, °C, không lớn hơn		TCVN 2698 (ASTM D 86)
- 90 % thể tích thu hồi	360	
- 95 % thể tích thu hồi	-	
4. Điểm chớp cháy cốc kín, °C, không nhỏ hơn	55	TCVN 6608 (ASTM D 3328) TCVN 2693 (ASTM D 93)
5. Độ nhớt động học ở 40 °C, mm <sup>2</sup> /s		TCVN 3171 (ASTM D 445)
- Không nhỏ hơn	2,0	
- Không lớn hơn	4,5	
6. Điểm chảy (điểm đông đặc), °C		TCVN 3753 (ASTM D 97)
- Mùa hè	+12	
- Mùa đông	+3	
7. Hàm lượng nước, mg/kg, không lớn hơn	200	TCVN 3182 (ASTM D 6304)
8. Hàm lượng hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), % khối lượng, không lớn hơn	-	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
9. Tạp chất dạng hạt, mg/L, không lớn hơn	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)

**Bảng số 3: Chỉ tiêu chất lượng Dầu Đielzel 0,001S mức 5 (Theo Quy chuẩn QCVN 01:2022/BKHCN)**

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng				Phương pháp thử
		2	3	4	5	
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	350	50	10	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)

2	Xêtan, không nhỏ hơn - Trị số cetan - Chỉ số cetan	46 46	48 46	50 46	50 46	TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)
3	Nhiệt độ cất, °C max - 90% thể tích thu hồi - 95% thể tích thu hồi	360 -	360 -	360 -	- 360	TCVN 2698 (ASTM D 86)
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C, không nhỏ hơn	55	55	55	55	TCVN 6608 (ASTM D 3328) TCVN 2693 (ASTM D 93)
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm <sup>2</sup> /s - Không nhỏ hơn - Không lớn hơn	2,0 4,5	2,0 4,5	2,0 4,5	2,0 4,5	TCVN 3171 (ASTM D 445)
6	Điểm chảy (điểm đông đặc), °C - Mùa hè - Mùa đông	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3	TCVN 3753 (ASTM D 97)
7	Hàm lượng nước, mg/kg, không lớn hơn	200	200	200	200	TCVN 3182 (ASTM D 6304)
8	Hàm lượng chất thơm đa vòng (PHA), % khối lượng, max	-	11	11	11	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
9	Tạp chất dạng hạt, mg/L, không lớn hơn	10	10	10	10	TCVN 2706 (ASTM D

#### ▼ Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa:

- Nhà thầu có phải có tài liệu đính kèm theo HSDT đảm bảo đủ các nội dung:

+ Cung cấp bản sao có chứng thực của Giấy phép (Còn hiệu lực) của cơ quan Nhà nước cấp cho của người vận tải về việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm là xăng dầu trên phương tiện ô-tô xi-téc; trường hợp Nhà thầu không phải là người vận tải (không sở hữu ô-tô xi-téc) thì phải cung cấp thêm Hợp đồng vận chuyển với người vận tải;

+ Bản sao có chứng thực của Giấy chứng nhận kiểm định dung tích xe ô-tô xi-téc khi giao hàng.

+ Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển  $\geq 100\%$  Tổng giá trị hàng hóa tham dự thầu.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết về kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão và dịch bệnh để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết

minh phân tích cụ thể cung đường vận chuyển, cách thức vận chuyển đảm bảo chất lượng hàng hóa. Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng, chi tiết, hợp lý về phương án đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa theo kế hoạch phù hợp với hiện trạng gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trong quá trình sản xuất (hoặc trong quá trình nhập hàng đối với nhà thầu thương mại) và cung cấp hàng hóa theo quy định, thuyết minh rõ ràng chi tiết các biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra nghiệm thu đảm bảo chất lượng và số lượng đảm bảo tiến độ hợp đồng trong đó phải nêu rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình giao nhận, thuyết minh rõ phương án khi đến địa điểm tập kết (khu vực quân sự, kho chứa của chủ đầu tư) phải có biện pháp bốc xếp hàng hoá xuống bảo đảm chất lượng hàng hoá, thuyết minh rõ ràng chi tiết kế hoạch và giải pháp quản lý nhân sự ra vào công khu vực Quân đội phòng ngừa rủi ro gây mất an ninh, an toàn trật tự và cho các hoạt động khác của Chủ đầu tư, thuyết minh trách nhiệm của nhà thầu trong trường hợp xảy ra sự cố và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý, phù hợp với hiện trạng, tính chất gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá, bảo quản hàng hoá trước khi giao hàng và trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế với hiện trạng, tính chất gói thầu. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết biện pháp phòng chống cháy nổ, chống tràn dầu, an toàn cho người, phương tiện, hàng hóa, cơ sở vật chất trong quá trình vận chuyển, cung cấp hàng hóa. Có sơ đồ quản lý chất lượng hàng hóa hợp lý, khả thi kèm theo, trong đó phải có các bước, quy trình thể hiện rõ các giai đoạn kiểm tra trong sơ đồ. Nhà thầu phải có bảng tiến độ cung cấp chi tiết theo dạng biểu đồ.

## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: **Theo Quy chuẩn QCVN 01:2022/BKHCN.**

### ***Kiểm tra và thử nghiệm nhiên liệu khi giao nhận hàng***

- Kiểm tra hành chính;
- Kiểm tra niêm phong vật chứa;
- Kiểm tra nhanh bằng mắt thường;
- Lấy mẫu tại 100% số phương tiện vận chuyển đến để lưu và hậu kiểm;
- Tiến hành tạm nhập hàng vào kho;
- Lấy mẫu trung bình của đợt nhập hàng để phân tích chất lượng toàn bộ;
- Đánh giá chất lượng xăng dầu, làm thủ tục nhập hàng chính thức.